TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HS-ST
Ngày 24-12-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Lâm

Ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2021/TLST-HS ngày 29-10-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-QĐ ngày 07-12-2021 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 20/TB-THS ngày 13-12-2021; đối với:

- Các bị cáo:

1. Phạm Văn C, sinh ngày 07-8-1980 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Mai Thị T; có vợ Thân Thị T và có 02 con sinh năm 2002 và 2004; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24-3-2021 cho đến nay; có mặt.

2. Hà Văn T, sinh ngày 09-01-1987 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Tiến T (đã chết) và bà Lê Thị X; có vợ Nguyễn Thị D và có 02 con sinh năm 2018 và 2020; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24-3-2021 cho đến nay; có mặt.

3. Phạm Văn T, sinh ngày 23-11-1983 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Mai Thị T; có vợ Nguyễn Thị H và có 02 con sinh năm 2011 và 2014; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24-3-2021 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T:* Ông Trần Xuân T, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn C là lái xe chở khách, trong quá trình chở khách, ngày 07-3-2021 Phạm Văn C quen một người đàn ông tên là T tại quán nước ngã tư M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, cả hai cho nhau số điện thoại để khi nào có khách đi từ Lạng Sơn về Bắc Giang, T sẽ gọi cho Phạm Văn C đón.

Khoảng 17 giờ ngày 23-3-2021, T sử dụng số điện thoại 0926xxx442 gọi cho Phạm Văn C đến khu vực cây xăng cạnh nhà máy xi măng cũ thuộc phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đón 05 khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép, đưa đến khu công nghiệp Đ, tỉnh Bắc Giang, với giá tiền công là 1.000.000 đồng/người.

Phạm Văn C đồng ý và rủ em ruột là Phạm Văn T cùng tham gia. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Văn C gọi điện cho Hà Văn T, thuê Hà Văn T đi đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam; Phạm Văn C nói với Phạm Văn T và Hà Văn T biết tiền công chở khách là 1.000.000 đồng/người, sau khi xong việc trừ hết các chi phí sẽ chia nhau tiền công.

Phạm Văn T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, biển kiểm soát 14A-277.xx (xe của Phạm Văn C) chở Phạm Văn C từ thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đến địa điểm hẹn với Hà Văn T là khu vực cây xăng M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Hà Văn T mượn xe ô tô loại 16 chỗ hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 29B- 111.xx của anh Nguyễn Duy H đi đón khách nhưng không nói cho anh Nguyễn Duy H biết việc sử dụng ô tô để đi đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Khi đến điểm hẹn, Phạm Văn C sang xe Hà Văn T còn Phạm Văn T một mình điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 14A-277.xx; cả ba hẹn gặp nhau tại cây xăng nhà máy xi măng cũ thuộc phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Khi đến thành phố L, Phạm Văn C điện thoại thông báo cho T biết rồi đi mua đồ ăn; trước khi đi, Phạm Văn C cho Hà Văn T số điện thoại 0926xxx442 của T đồng thời đưa máy điện thoại của mình cho Hà Văn T và dặn khi nào T gọi đến thì nghe máy.

Khoảng 24 giờ ngày 23-3-2021, Hà Văn T sử dụng số điện thoại 0853xxx323 của mình gọi cho T và được T cho biết số lượng khách Trung Quốc cần đón là 10 người. Sau khi Phạm Văn C đi mua đồ ăn về, Hà Văn T cho Phạm Văn C biết vừa được T thông báo có tất cả 10 khách Trung Quốc. Do có việc cá nhân nên Phạm Văn C gửi xe ô tô biển kiểm soát 14A- 277.xx tại cây xăng, bắt khách về trước và dặn Hà Văn T đợi để đón đủ 10 khách.

Khoảng 01 giờ sáng ngày 24-3-2021, T gọi điện thoại hướng dẫn Hà Văn T di chuyển vào khu vực cuối đường đôi cạnh cây xăng để đón khách. Hà Văn T điều khiển xe ô tô cùng Phạm Văn T di chuyển đến vị trí mà T đã hướng dẫn, đợi khoảng 30 phút thì đón đủ 10 người khách quốc tịch Trung Quốc rồi điều khiển xe ô tô về hướng Bắc Giang. Khi đi đến khu vực cây xăng Y thuộc thôn Y, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Sau khi biết Hà Văn T và Phạm Văn T bị bắt, Phạm Văn C đã đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đầu thú.

Bản Cáo trạng số 135/CT-VKS-P2 ngày 28-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Phạm Văn C, Hà Văn T Phạm Văn T về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn C, Hà Văn T, Phạm Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; xử phạt bị cáo Phạm Văn T, bị cáo Hà Văn T mỗi bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 05 chiếc điện thoại di động do có liên quan đến hành vi phạm tội; trả lại các bị cáo giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe vì đó là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến hành vi phạm tội. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Ông Trần Xuân T là người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh khung khoản truy tố; năm 2000 gia đình bị cáo tham gia nộp quỹ phòng chống Covit tại nơi cư trú nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo mức hình phạt 06 năm tù.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Vì mục đích vụ lợi, ngày 24-3-2021 các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T và Hà Văn T đã có hành vi tổ chức cho 10 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam; khi đi đến khu vực cây xăng Y thuộc thôn Y, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Hà Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới, đặc biệt là trong lúc dịch bệnh Covid-19 gia tăng. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra. Để cá thể hóa hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Sau khi tiếp nhận thông tin từ người đàn ông sử dụng số điện thoại 0926xxx442, bị cáo Phạm Văn C chủ động thỏa thuận tiền công và điện thoại cho Hà Văn T và Phạm Văn T đi Lạng Sơn đón khách; vì vậy bị cáo Phạm Văn C có vài trò chính trong vụ án. Các bị cáo Phạm Văn T, Hà Văn T là đồng phạm giúp sức, trực tiếp thực hiện việc đón, chở khách; bị cáo Hà Văn T trực tiếp liên lạc với người sử dụng số điện thoại

0926xxx442 để di chuyển đón khách nên bị cáo Hà Văn T có vai trò cao hơn bị cáo Phạm Văn T.

[6] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 03 bị cáo đều là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả 03 bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Phạm Văn C có bố đẻ là ông Phạm Văn D được tặng thưởng Huy chương kháng chiến và Huy chương chiến sĩ vẻ vang; bị cáo Hà Văn T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật phần nào còn hạn chế, bị cáo có bố đẻ ông Hà Tiến Thanh được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang; sau khi biết sự việc bị phát giác, bị cáo Phạm Văn C đã ra đầu thú. Vì vậy, cả 03 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gia đình bị cáo Hà Văn T nộp phiếu thu thể hiện năm 2020 bị cáo Hà Văn T đã nộp quỹ phòng chống Covit19 tại nơi cư trú, xét thấy đây là nghĩa vụ công dân nên Hội đồng xét xử không xác định đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích đánh giá trên, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về biện pháp tư pháp: Thực tế các bị cáo chưa được hưởng lợi từ việc phạm tội vì vậy, không áp dụng biện pháp tư pháp đối với các bị cáo.

[10] Về vật chứng: Đối với 05 chiếc điện thoại di động mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước. Đối với giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe là giấy tờ tùy thân và không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Đối với xe ô tô biển kiểm soát 14A- 277.xx do Phạm Văn C, Phạm Văn T sử dụng làm phương tiện di chuyển từ Bắc Giang lên Lạng Sơn. Thực tế các bị cáo không trực tiếp sử dụng chiếc xe ô tô nói trên vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra không thu giữ phương tiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với xe ô tô Ford Transit, biển kiểm soát 29B-111.xx đã được bị cáo Hà Văn T chuyển nhượng cho anh Nguyễn Duy H vào ngày 15-01-2021, giấy chuyển nhượng có chứng thực của chính quyền địa phương. Ngày 24-3-2021, bị cáo Hà Văn T thuê lại xe nhưng không cho anh Nguyễn Duy H biết việc sử dụng phương tiện để chở khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Cơ quan An ninh điều

tra Công an tỉnh Lạng Sơn trả lại xe ô tô nói trên và giấy tờ liên quan cho anh Nguyễn Duy H trước khi vụ án được đưa ra xét xử nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[13] Đối với những người điều khiển xe ô tô, mô tô chở khách Trung Quốc đến giao cho Phạm Văn T, Hà Văn T: Do các bị cáo không biết họ tên, địa chỉ những người này, không nhớ biển kiểm soát của những phương tiện trên nên Cơ quan điều tra không có đủ thông tin để xác minh làm rõ.

[14] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0926xxx442: Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an phường Đ và phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn tiến hành rà soát, xác minh, tuy nhiên không xác định được danh tính. Theo thông tin Công ty Cổ phần Viễn thông di động VIETNAMOBILE cung cấp, chủ thuê bao của số điện thoại nói trên là Phạm Thị T sinh năm 1992 , đăng ký hộ khẩu thường trú xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; hiện đang làm công nhân tại khu Công nghiệp V – X và sinh sống tại phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Kết quả xác minh, chị Phạm Thị T không sử dụng số điện thoại 0926xxx442, không dùng chứng minh nhân dân đăng ký cho ai sử dụng số điện thoại trên, không quen biết ai tên là T sinh sống tại Lạng Sơn. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác định Phạm Thị T có liên quan đến vụ án.

[15] Đối với 10 Công dân Trung Quốc có hành vi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đã bị trục xuất theo thủ tục hành chính về Trung Quốc qua Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị.

[16] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[17] Xét ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của người bào chữa; ý kiến đề nghị nào có căn cứ, phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận; ý kiến, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Phạm Văn C, Hà Văn T, Phạm Văn T;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2,3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn C, Hà Văn T và Phạm Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 07 (bẩy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 24-3-2021.

2.2. Xử phạt bị cáo Hà Văn T 07 (bẩy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 24-3-2021.

2.3. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 07 (bẩy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 24-3-2021.

3. Về xử lý vật chứng

3.1. Tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, cũ, đã qua sử dụng, số IMEI: 359247061800425, bên trong có 01 sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, cũ, đã qua sử dụng, số sêri: 351522040337311, bên trong có 01 sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, đen, cũ, đã qua sử dụng, số IMEI1: 865521047426316; IMEI2: 865521047426308.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đỏ, cũ, đã qua sử dụng, IMEI1: 867548042562652; IMEI2: 867548042562645, bên trong lắp 02 sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Honor, màu xanh nước biển, cũ, đã qua sử dụng, IMEI1: 869163044197719; IMEI2: 869163044313639, bên trong lắp 01 sim điện thoại.

3.2. Trả lại cho bị cáo Phạm Văn C: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 121438743, mang tên Phạm Văn C, do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 15-01-2021.

3.3. Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 121537146, mang tên Phạm Văn T, do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 23-12-2008.

3.4. Trả lại cho bị cáo Hà Văn T:

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 121855208, mang tên Hà Văn T, do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14-04-2012.

- 01(một) giấy phép lái xe số 270109271243 mang tên Hà Văn T, do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 04-9-2018.

(*Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27 tháng 10 năm 2021).*

4. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Hà Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Thùy